

Số: /TTr-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (TNBTCNN) (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 là: (1) “lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu” và (2) “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân...; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân”.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định nhiệm vụ: “Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hóa điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã

đề ra mục tiêu đến năm 2030: “*Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị...*” và đặt ra nhiệm vụ “*Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh*”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đề ra mục tiêu đến năm 2027: “*hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp*” và tầm nhìn đến năm 2045: “*Việt Nam có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến và phù hợp với thực tiễn đất nước, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân*”. Để đạt được mục tiêu trên, Nghị quyết cũng đặt ra yêu cầu phải đổi mới tư duy xây dựng pháp luật: “*...phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; ... Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tổ tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn*”.

- Nghị quyết 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới đã đặt ra một trong những giải pháp là “*Thế chế hoá, cụ thể hoá đầy đủ, kịp thời chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng Đảng, phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo các văn kiện, nghị quyết của Đảng, trước hết là Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng*”.

- Quy định số 231-QĐ/TW ngày 17/01/2025 của Bộ Chính trị về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (Quy định số 231-QĐ/TW) đã quy định người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có quyền: “*Được bồi thường theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước khi cơ quan có thẩm quyền không áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc áp dụng không kịp thời gây thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ, tài sản, tinh thần của người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc người thân*”.

- Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thành pháp luật của Nhà nước, trong đó có nhiệm vụ: “*Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác*

thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thành pháp luật của Nhà nước”.

- Kết luận 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: *“Phân cấp, phân quyền tối đa, thực chất gắn với cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”* và giao Đảng ủy một số cơ quan (trong đó có Bộ Tư pháp) thực hiện nhiệm vụ *“Hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (ở Trung ương và địa phương)”*.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 22/8/2026 của Bộ Chính trị về phát huy tính tiên phong, gương mẫu, tinh thần đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong kỷ nguyên mới đã xác định mục tiêu: *“Hoàn thiện thể chế, pháp luật đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi để phát hiện, khuyến khích, tôn vinh, trọng dụng và bảo vệ cán bộ dám thân, dám đổi mới, sáng tạo, dám đột phá vì lợi ích chung”*.

b) Cơ sở pháp lý

Luật TNBTCNN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN giao Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản sau: khoản 3 Điều 22, Điều 23, Điều 28, Điều 41, Điều 42, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 61, Điều 62, Điều 65, Điều 66, Điều 69 và Điều 73.

Căn cứ Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 15/9/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, trong đó giao Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN.

2. Cơ sở thực tiễn

Triển khai thi hành Luật TNBTCNN năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN (Nghị định số 68/2018/NĐ-CP). Sau 8 năm thực hiện, Nghị định đã phát huy hiệu quả, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho việc tổ chức và triển khai công tác bồi thường của Nhà nước trên phạm vi cả nước, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động giải quyết yêu cầu bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ.

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 68/2018/NĐ-CP đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập như sau:

2.1. Một số quy định của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP chưa phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước sau sắp xếp như: Quy định về xác định thị trường để xác định giá trị tài sản tại Điều 3 (không còn thị trường cấp huyện); quy định về cơ quan giải quyết bồi thường tại Điều 19 và 20 (không còn Tòa án nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao...); quy định về thành phần tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại tại Điều 28 (không còn tổ chức công đoàn tại các cơ quan nhà nước)...

2.2. Một số quy định của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP còn chưa rõ ràng, chưa cụ thể nên trong thực tiễn áp dụng còn phát sinh vướng mắc hoặc còn có cách hiểu, áp dụng chưa thống nhất

- Tại điểm khoản 3 Điều 10 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP mới chỉ quy định bồi thường chi phí chăm sóc cho người bị thiệt hại đến thời điểm người bị thiệt hại đạt tuổi thọ trung bình do cơ quan có thẩm quyền công bố và cộng thêm 10 năm. Tuy nhiên, đối với trường hợp người bị thiệt hại sống qua độ tuổi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 thì hiện nay Nghị định chưa quy định bồi thường chi phí chăm sóc cho người thiệt hại trong khoảng thời gian đó.

- Quy định về thời điểm kết thúc để tính một số thiệt hại (thiệt hại về tinh thần quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật còn chưa rõ ràng, có thể dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Chẳng hạn như quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP quy định "...khoảng thời gian được tính kể từ ngày người bị thiệt hại đã chấp hành xong hình phạt cho đến ngày có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường", việc quy định thời điểm kết thúc là ngày "có" văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường còn chưa rõ ràng, có thể dẫn đến cách hiểu là ngày người bị thiệt hại có văn bản hay ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản.

2.3. Một số quy định của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP chưa đầy đủ, chưa cụ thể nên trong thực tiễn còn gặp vướng mắc, khó khăn, chẳng hạn như:

- Chưa có quy định đối với việc không xác định được thị trường có tài sản cùng loại hoặc cùng tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và chất lượng thì việc xác định thiệt hại được thực hiện như thế nào.

- Điều 45, 46 của Luật có quy định về việc cơ quan tài chính, cơ quan quản lý nhà nước tham gia vào việc xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường nhưng Nghị định chưa có hướng dẫn cụ thể việc tham gia của cơ quan tài chính thông qua các cách thức nào hoặc tham gia thì phát biểu, cho ý kiến đối với những nội dung nào.

- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP mới chỉ quy định việc Sở Tư pháp xác định cơ quan giải quyết bồi thường trên cơ sở đề nghị của người yêu cầu bồi thường mà chưa quy định việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường trên cơ sở đề nghị của các cơ quan nhà nước khác.

3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN đã sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung, nhiều trình tự, thủ tục không được quy định cụ thể tại

Luật mà sẽ được quy định tại Nghị định. Đồng thời, nhiều nội dung mới được bổ sung tại Luật như quy định về miễn, giảm hoàn trả, quy định về kinh phí, thủ tục chi trả tiền bồi thường, quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước cũng cần được Nghị định hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục để bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị định để quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN; đồng thời quy định các biện pháp tổ chức thi hành, bảo đảm cơ sở pháp lý đầy đủ, thống nhất, khả thi để triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các quy định của Luật trên thực tiễn, khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho việc áp dụng và tổ chức thực hiện.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Bám sát quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN để cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời; hướng dẫn các vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ nhằm bảo đảm thi hành các quy định trên thực tiễn.

- Bảo đảm đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, trong quá trình yêu cầu bồi thường và giải quyết bồi thường.

- Kế thừa các quy định của Nghị định số 68/2018/NĐ-CP còn phù hợp, đang được thực hiện hiệu quả trên thực tế; đồng thời sửa đổi, bổ sung một số quy định đã bộc lộ hạn chế, bất cập nhằm nâng cao hiệu quả công tác bồi thường nhà nước, đáp ứng tốt hơn quyền yêu cầu bồi thường của người bị thiệt hại.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện một số công việc sau:

1. Tổ chức tổng kết thi hành Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Tổ chức triển khai xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định; thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Nghị định; tổ chức các cuộc họp Tổ soạn thảo, các hội thảo khoa học, tọa đàm tổ chức truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định.

3. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương; truyền thông chính sách về dự thảo Nghị định.

4. Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp và Cổng Pháp luật quốc gia để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân;

5. Tổ chức họp thẩm định, tiếp thu các ý kiến thẩm định để hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật TNBTCNN năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN về thiệt hại được bồi thường, thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường, trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại, quản lý nhà nước về công tác bồi thường và một số biện pháp tổ chức thi hành Luật

b) Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan giải quyết bồi thường, cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, người bị thiệt hại, người yêu cầu bồi thường, người giải quyết bồi thường, người thi hành công vụ gây thiệt hại và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định gồm 07 Chương và 52 Điều kèm Phụ lục biểu mẫu về công tác bồi thường nhà nước, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung.
- Chương II: Thiệt hại được bồi thường.
- Chương III: Thủ tục giải quyết bồi thường.
- Chương IV: Kinh phí bồi thường và thủ tục chi trả.
- Chương V: Trách nhiệm hoàn trả.
- Chương VI: Trách nhiệm thực hiện công tác bồi thường nhà nước.
- Chương VII: Điều khoản thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định kế thừa các quy định còn phù hợp tại Nghị định số 68/2018/NĐ-CP, đồng thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện theo hướng bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN, cụ thể như sau:

a) Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

- Sửa đổi quy định về xác định thiệt hại do tài sản bị xâm phạm quy định tại Điều 23 của Luật để bảo đảm phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy và khắc phục những vướng mắc trong thực tiễn.

- Sửa đổi một số quy định về khoảng thời gian làm căn cứ xác định thiệt hại tại Chương II của dự thảo Nghị định để bảo đảm chặt chẽ, rõ ràng.

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường để đảm bảo đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cắt giảm giấy tờ, thời hạn thực hiện thủ tục hành chính như các quy định về hồ sơ yêu cầu bồi thường, phương thức thực hiện quyền yêu cầu bồi thường, việc xử lý hồ sơ yêu cầu bồi thường, quá trình xác minh thiệt hại (định giá tài sản, giám định thiệt hại; tham gia xác minh thiệt hại; báo cáo xác minh thiệt hại; thương lượng việc bồi thường).

- Sửa đổi kỹ thuật về các quy định về thủ tục xin lỗi và cải chính công khai để phù hợp với những sửa đổi, bổ sung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Sửa đổi một số quy định hướng dẫn về điều kiện giảm mức hoàn trả để phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 65 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về trách nhiệm của các cơ quan trong công tác bồi thường nhà nước (trách nhiệm của Bộ Tư pháp, các Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác bồi thường nhà nước) để đảm bảo hiệu quả trong công tác bồi thường nhà nước.

b) Nội dung bổ sung

- Bổ sung các quy định về xác định khoảng thời gian làm căn cứ xác định thiệt hại về vật chất trong trường hợp người bị thiệt hại chết quy định tại Điều 25 của Luật và thiệt hại về vật chất do sức khỏe bị xâm phạm quy định tại Điều 26 của Luật nhằm đảm bảo tốt hơn quyền lợi của người bị thiệt hại.

- Bổ sung các quy định hướng dẫn về trình tự, thủ tục giải quyết bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại như các quy định về: nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường; tiếp nhận văn bản và xử lý hồ sơ yêu cầu bồi thường; tạm ứng kinh phí bồi thường; các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại, như các quy định về hình thức gửi yêu cầu bồi thường; tiếp nhận và xử lý hồ sơ yêu cầu bồi thường; các quy định về tạm ứng kinh phí bồi thường; cách thức xác minh thiệt hại, phương thức xác minh thiệt hại, nội dung báo cáo xác minh thiệt hại; quy định về thương lượng việc bồi thường (đề nghị không tổ chức hoặc không tiếp tục thương lượng việc bồi thường, trình tự, thủ tục thực hiện thương lượng), quy định về nội dung quyết định giải quyết bồi thường, gửi quyết định giải quyết bồi thường.

- Bổ sung một chương quy định về kinh phí bồi thường và thủ tục chi trả để hướng dẫn các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước về nội dung chi cho công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường và giải quyết bồi thường, quy định về chi trả tiền bồi thường, cấp bổ sung kinh phí bồi thường.

- Bổ sung quy định hướng dẫn về điều kiện giảm, miễn hoàn trả, quyết định miễn giảm hoàn trả; thẩm quyền của Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả trong việc kiến nghị miễn hoàn trả, giảm mức hoàn trả và dừng xem xét trách nhiệm hoàn trả.

- Bổ sung một số nội dung quy định về trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác bồi thường nhà nước, đồng thời bổ sung quy định một số nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước tại Nghị định.

c) Nội dung lược bỏ

- Lược bỏ quy định về thanh tra, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước.

d) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng đẩy mạnh cải cách, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực bồi thường nhà nước dựa trên dữ liệu, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức và cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện. Theo đó, nhiều quy định được sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và khai thác dữ liệu điện tử thay cho việc yêu cầu người yêu cầu bồi thường nộp giấy tờ bản giấy.

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định cũng phân định rõ trách nhiệm, thời hạn giải quyết của cơ quan có thẩm quyền, góp phần nâng cao tính minh bạch. Việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân khi yêu cầu bồi thường, đồng thời phù hợp với chủ trương của Nhà nước về cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số hiện nay.

đ) Nội dung phân quyền, phân cấp

Trách nhiệm giải quyết bồi thường và quản lý nhà nước về công tác bồi thường đã được quy định cụ thể tại Luật TNBTCNN năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN. Dự thảo Nghị định chỉ quy định trách nhiệm của Bộ Tư pháp, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thực hiện giải quyết yêu cầu bồi thường (tham gia xác minh thiệt hại và thương lượng việc bồi thường). Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của mình và gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội theo quy định của Luật TNBTCNN.

e) Tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Dự thảo Nghị định bảo đảm tính tương thích giữa các quy định của dự thảo với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

g) Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định bảo đảm không có sự phân biệt về giới, không có điều khoản liên quan đến giới. Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc bình đẳng giới, tạo điều kiện thuận lợi để công dân (không phân biệt đối xử về giới) thực hiện quyền yêu cầu bồi thường khi bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị định

a) Về nguồn lực

Nguồn lực bảo đảm cho việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Luật số 15/2026/QH16), Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đã cơ bản được dự kiến khi xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Bộ Tư pháp xin báo cáo thêm như sau:

- Nguồn lực tài chính

Sau khi Nghị định được ban hành, cùng với việc tổ chức triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN thì dự kiến kinh phí tổ chức triển khai thi hành Nghị định được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của bộ, cơ quan Trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật.

- Nguồn nhân lực

Công tác bồi thường nhà nước đang do các cơ quan Nhà nước từ Trung ương đến địa phương tổ chức thực hiện, không cần thành lập tổ chức mới. Tuy nhiên, thời gian tới Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Tư pháp tiếp tục rà soát, hướng dẫn, bảo đảm bố trí đủ nguồn lực làm công tác bồi thường nhà nước theo yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, trong đó có cơ chế thuê chuyên gia, luật sư tư vấn độc lập trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường để huy động “chất xám” bên ngoài theo hướng thực chất, hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định pháp luật.

b) Các điều kiện bảo đảm thi hành Nghị định

Để bảo đảm thi hành Nghị định sau khi được Chính phủ ban hành, Chính phủ chỉ đạo Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành, địa phương thực hiện các công việc sau:

- Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.
- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị định;
- Tổ chức tập huấn, kiểm tra, theo dõi thi hành Nghị định và các văn bản

quy phạm pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Thời gian trình ban hành Nghị định

Để bảo đảm Nghị định có hiệu lực đồng thời với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật TNBTCNN (ngày 01/3/2027), dự thảo Nghị định dự kiến được trình Chính phủ trong tháng 12/2026.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan; (3) Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc; (5) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội; (6) Báo cáo thẩm định; (7) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- VPCP: BTCN, Các PCN, Trợ lý TTg;
- Lưu: VT, CĐK&BTNN.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Thanh Tùng